

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM LỄ HỘI TRONG CÁC NGÔI CHÙA THỜ TỨ THÁNH TỔ Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Tóm tắt: Trên cơ sở đề cập khái quát về thân thế và sự nghiệp của Tứ Thánh Tổ gồm Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải, Nguyễn Minh Không, nội dung bài viết tập trung phân tích một số đặc điểm lễ hội trong các ngôi chùa thờ Tứ Thánh Tổ ở Đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là sự hỗn dung giữa yếu tố Phật giáo với yếu tố văn hóa tâm linh truyền thống của người Việt khu vực này.

Từ khóa: Đặc điểm lễ hội, chùa, Tứ Thánh Tổ, Đồng bằng Bắc Bộ, dung hợp tôn giáo, Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải, Nguyễn Minh Không.

1. Dẫn nhập

Phật giáo du nhập vào Đồng bằng Bắc Bộ từ những năm đầu Công nguyên và nhanh chóng dung hội với tín ngưỡng bản địa để tạo chỗ đứng vững chắc và hoằng dương Phật pháp. Nếu buổi đầu, Phật giáo phối hợp với các đền thờ bốn vị thần tự nhiên (mây, mưa, sấm, chớp) để tạo ra những ngôi chùa Tứ Pháp có mặt bằng “tiền Thần - hậu Phật”, thì ít nhất tới thời Lý (thế kỷ XI - XII), lại xuất hiện thêm những ngôi chùa “tiền Phật - hậu Thánh”, trong đó ngoài các vị Phật còn thờ thêm một hoặc nhiều vị Thánh. Những vị Thánh đó là thiền sư thời Lý - Trần, trong đó đặc biệt có bốn vị thời Lý, đều được phong là Quốc sư, được thờ phụng ở nhiều ngôi chùa vùng Đồng bằng Bắc bộ là Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Giác Hải, Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không. Có chùa thờ riêng một vị (Chùa Keo ở hai tỉnh Thái Bình và Nam Định thờ Dương Không Lộ; Chùa Thầy và Chùa Láng ở thành phố Hà Nội thờ Từ Đạo Hạnh; chùa La Vân ở tỉnh Thái Bình và Chùa Trông ở tỉnh Hải Dương thờ Nguyễn Minh Không); có chùa thờ hai vị (chùa Đại Bi ở tỉnh Nam Định thờ Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Giác Hải); có chùa thờ ba vị (chùa Lý Quốc Sư ở thành

*. TS., Viện Bảo tồn Di tích, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

phổ Hà Nội thờ Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không và Nguyễn Giác Hải); có chùa thờ cả bốn vị (chùa Viên Quang, tỉnh Nam Định).

Đến những ngôi chùa này, chúng ta vừa thấy bóng dáng một cơ sở thờ tự của Phật giáo, vừa thấy nét thân quen của một ngôi đền thờ thần trong mỗi làng quê. Nhưng sự dung hội ấy biểu hiện rõ rệt không chỉ qua lớp vỏ kiến trúc, mà còn trong những sinh hoạt tín ngưỡng hằng ngày, đặc biệt qua các lễ hội truyền thống.

2. Vài nét về Tứ Thánh Tổ triều Lý

2.1. Từ Đạo Hạnh (? - 1116)

Từ Đạo Hạnh tên thật là Từ Lộ, người làng Yên Lãng (Láng - Từ Liêm - Hà Nội) là con quan Đô sát Từ Vinh. Mẹ của ông cũng là người làng Láng, họ Lỗ. Từ Lộ đã ẩn cư ở núi Phật Tích, hằng ngày đọc *Kinh Đại Bi Đà La Ni*, làm phép chữa bệnh và hoằng dương Phật pháp trong vùng. Tới “mùa hạ, tháng 6, năm Bính Thân 1116, Từ Đạo Hạnh hóa thân, trút xác ở chùa núi Thạch Thất (Thạch Thất là tên huyện - tức là huyện Ninh Sơn)”⁽¹⁾.

Việc lấy hiệu Đạo Hạnh chứng tỏ sự gắn bó với nhà Phật để đề cao Hạnh nguyện⁽²⁾ của ông. Thuở nhỏ, Từ Đạo Hạnh giao du rộng rãi, tính tình phóng khoáng, thường kết bạn với các đạo sĩ phù thủy như Lê Toàn Nghĩa, kể cả con hát Phan Ất. Có lẽ vì vậy, khi đi tu, Từ Đạo Hạnh hướng theo Phật giáo Mật tông. Bài minh trên chuông Chùa Thầy đã tả về Từ Đạo Hạnh như sau: "Thiền sư Đạo Hạnh lúc nhỏ thanh tú khác thường, lớn lên thiên tư kỳ vĩ. Khi tụng tập liên kinh, tiếng ngọc vang sang sáng; lúc xuất gia hành lễ, tâm Phật thấm từ bi. Gặp khi đại hạn, đốt một ngón tay mà mưa xuống tràn trề; học cổ thư mà không ăn, ngồi đó nhiều năm mà mặt không sắc đối. Dân mắc dịch bệnh, bung nước ra vẩy mà hết mọi ốm đau. Việc chưa manh nha, dự đoán trước mà đúng như bùa phép..."⁽³⁾.

Từ Đạo Hạnh là một nhà sư của quần chúng, là trí thức Phật giáo của những Phật tử bình dân, đồng thời còn là một pháp sư có nhiều phép thuật. Cách tu hành của ông là ẩn mình trên núi, thiền định trong hang. Hình thức tu này ít nhiều chịu ảnh hưởng của phép tu Bà La Môn giáo. Những người kế tục Từ Đạo Hạnh trụ trì Chùa Thầy trước đây không phải là các thiền sư mà là những ông Thống hành nghề phù thủy, thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng cho nhân dân. Từ Đạo Hạnh được thờ ở khá

hiều chùa quanh khu vực Hà Nội, nhưng nổi tiếng hơn cả là Chùa Thầy và Chùa Láng.

2.2. Dương Không Lộ (? - 1119)

Thiền sư họ Dương, tên Nghiêm Minh, người Hải Thanh (tức tỉnh Nam Định và một phần tỉnh Thái Bình ngày nay). Ông sinh ra trong một gia đình nhiều đời làm nghề chài lưới⁽⁴⁾. Sau một thời gian lênh đênh sông nước theo nghiệp gia đình, ông bỏ nghề quyết chí tu hành theo Phật giáo. Ông chuyên chú tu trì pháp môn Đà La Ni. Đời vua Lý Thần Tông, ông cùng bạn là Thiền sư Giác Hải tu ở đất Hà Trạch⁽⁵⁾, "nuơng thân, mặc áo cỏ, ăn lá cây, đến nỗi quên chính thân mình. Ngoài dứt ruỗi dong, trong tu thiền định, tâm thần tai mắt ngày một nhẹ nhàng, bèn bay lên không, đi trên nước, làm cộp nếp, kêu rồng xuống, muôn quái nghìn kỳ, người không lường nổi" như *Thiền uyển tập anh* và *An Nam chí nguyên* đã ghi lại. Sau đó, ông tìm về quê nhà, dựng chùa Viên Quang và trụ trì. Chùa Viên Quang sau đổi tên là Thần Quang tự, còn gọi là Chùa Keo/chùa Giao Thủy.

Năm 1069, vua Lý Thánh Tông dẫn quân đi đánh Chiêm Thành, lúc về có đem theo một Thiền sư Trung Hoa và phong làm Quốc sư, cho lập một Thiền phái mới ở Đại Việt là Thiền phái Thảo Đường. Không Lộ được trực tiếp theo học Quốc sư nên trong *Thiền uyển tập anh*, ông vừa được coi là thế hệ thứ chín của Thiền phái Vô Ngôn Thông, lại vừa được xếp vào thế hệ thứ hai của Thiền phái Thảo Đường.

Ngày 3 tháng 6 năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 10 (1119), Dương Không Lộ viên tịch. Môn nhân thu xá lị của ông táng trước cửa chùa. Vua Lý Nhân Tông cho sửa rộng chùa Viên Quang, miễn thuế cho 20 hộ để đèn hương phụng thờ.

Dương Không Lộ được thờ ở khá nhiều ngôi chùa khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, nhưng nổi tiếng nhất vẫn là Chùa Keo ở tỉnh Thái Bình và tỉnh Nam Định.

2.3. Nguyễn Giác Hải (? - ?)

Thiền sư là người hương Hải Thanh, phủ Hải Thanh (nay là xã Hộ Xá, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định). Thuở trai trẻ, ông làm nghề đánh cá, thường lênh đênh trên sông biển. Năm 25 tuổi, ông xuống tóc đi tu. Lúc đầu, ông với người cùng quê là Dương Minh Nghiêm (sau này là Thiền

sư Dương Không Lộ) học đạo với nhà sư Hà Trạch ở chùa Diên Phước. Sau này, ông lại kế thừa dòng pháp của Thiền sư Không Lộ.

Sách *Thiền uyển tập anh* có đoạn chép về cuộc đời Thiền sư Giác Hải như sau: Đời vua Lý Thần Tông, ông thường cùng Thông Huyền chân nhân, bị triệu vào nhà hóng mát hầu hạ, bỗng có tiếng tắc kè kêu chói tai, đáng ghét. Vua sai Thông Huyền làm cho nó đừng kêu. Thông Huyền bèn lâm râm niệm chú, làm rơi một con. Thông Huyền cười ông. Ông bảo: "Đang còn một con, để đó cho Samôn⁽⁶⁾". Ông chú mục nhìn, trong giây lát, nó cũng rơi theo. Vua lấy làm lạ, làm một bài thơ khen:

"Giác Hải tâm như hải
Thông Huyền đạo lại huyền
Thần thông cùng biến hóa
Một Phật, một thần tiên".

Từ đó, tiếng tăm của ông vang khắp thiên hạ, tăng tục ngưỡng mộ. Vua thường đối đãi ông như bậc thầy. Mỗi lần ra chơi hành cung Hải Thanh, vua thường đến chùa ông trước. Một hôm, vua hỏi ông: "Phép ứng chân thần tức, có thể được nghe chăng?". Ông bèn làm tám phép thần biến rồi vung thân lên hư không, cách đất vài trượng rồi lại hạ xuống. Vua và các quan đều vỗ tay khen ngợi. Do đó, vua ban cho ông một kiệu vai, để ra vào cửa khuyết. Khi ông viên tịch, vua xuống chiếu cho lấy thuế 30 hộ để cúng hương hỏa và cho hai người con trai của ông ra làm quan để tỏ lòng khen thưởng.

Nguyễn Giác Hải được thờ ở một số chùa như chùa Đại Bi (tỉnh Nam Định), chùa Lý Quốc Sư (thành phố Hà Nội).

2.4. Nguyễn Minh Không (1066 - 1141)

Thiền sư tên thật là Nguyễn Chí Thành, quê làng Đàm Xá, huyện Đại Hoàng, đất Trường Yên (nay là huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Thân thế và sự nghiệp của ông hiện vẫn còn nhiều điều cần được làm sáng tỏ. Nhưng theo một số tài liệu như *Thiền uyển tập anh*, *Việt điện u linh*, *Lĩnh nam chích quái*, ông thuộc thế hệ thứ 13 Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci), là học trò được Từ Đạo Hạnh truyền tâm ấn. "Lúc ít tuổi đi du học, gặp Đạo Hạnh, học được Đạo giáo, trải hơn 10 năm. Đạo Hạnh thấy người tiết tháo bèn truyền tâm ấn, lại đặt tên cho. Sau khi Từ Đạo Hạnh hoá, ông trở về chùa cũ cày ruộng. Hơn 20 năm ẩn hơi kín tiếng"⁽⁷⁾.

Nhiều tài liệu cho biết, ông từng tu ở chùa Giao Thủy⁽⁸⁾, chùa Quốc Thanh⁽⁹⁾, chùa Không Lộ làng Giao Thủy. Ông còn là một danh y thời Lý. Năm 1136, vua Lý Thần Tông (tương truyền là hoá thân của Từ Đạo Hạnh) mắc bệnh lạ, khắp người mọc lông, tay chân mọc móng vuốt, tiếng gầm như hổ, các danh y trong nước không chữa nổi. Bấy giờ trong dân gian có câu đồng dao “Dục trị thiên tử bệnh, tu đắc Nguyễn Minh Không” (muốn chữa khỏi bệnh cho vua, tất phải tìm được Nguyễn Minh Không). Câu hát truyền đi, triều đình sai người về đón ông vào kinh chữa bệnh cho vua. Vua khỏi bệnh, phong ông làm Quốc sư, ban lộc mấy trăm hộ để thưởng công. Năm Tân Dậu, niên hiệu Đại Định 2 (1141), ông tạ thế, thọ 76 tuổi.

Nguyễn Minh Không được thờ ở nhiều chùa, tiêu biểu là chùa La Vân (tỉnh Thái Bình) và Chùa Trông (tỉnh Hải Dương).

Như vậy, trong Tứ Thánh Tổ triều Lý, Nguyễn Minh Không thuộc thế hệ sau và là học trò của Từ Đạo Hạnh, còn ba người trên cùng một thế hệ, đều có mối quan hệ qua lại, trong đó Nguyễn Giác Hải là bạn từ thuở nhỏ với Dương Không Lộ. Trước đây, nhiều ý kiến cho rằng, Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không là một, nhưng qua lý lịch và hành trạng, có thể thấy, đây là hai vị thiền sư ở hai giai đoạn khác nhau, đều là những bậc tu hành đặc đạo, có nhiều tài năng, phép thuật, được các vương triều nhà Lý trọng dụng.

3. Mấy đặc điểm lễ hội trong các ngôi chùa thờ Tứ Thánh Tổ ở Đồng bằng Bắc Bộ

3.1. Lễ hội chùa là lễ hội chung của cả làng, cả tổng; tổ chức lễ hội là công việc của cả làng, cả tổng

Một đặc điểm nổi bật trong hình thức quản lý, sử dụng những ngôi chùa “tiền Phật - hậu Thánh” nói chung, những ngôi chùa thờ Tứ Thánh Tổ nói riêng là không có tầng sĩ kế tục cai quản. Bốn vị sư là những người khai lập các ngôi chùa và khi mất đi được dân làng (rời triều đình) tôn làm Thánh, thờ ở một khu riêng phía sau Phật điện. Sau khi các vị đó viên tịch, dân làng sẽ cất cử các ông Thống đền nhang coi sóc ngôi chùa và hướng dẫn dân làng trong các sinh hoạt tâm linh (chùa Đồng Bụt, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; Chùa Keo, xã Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, v.v...). Vào những ngôi chùa này, chúng ta hầu như không thấy khu tháp mộ (hãn hữu có một vài ngôi tháp nhưng

niên đại xây dựng chỉ khoảng hơn 100 năm trở lại đây: Chùa Thầy, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; Chùa Keo, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, v.v...). Điều này khác hẳn với những ngôi chùa chuyên thờ Phật vốn có những vườn tháp khá lớn phía sau (chùa Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh; chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang, v.v...). Qua vườn tháp đó, chúng ta có thể biết tiểu sử, hành trạng cũng như hệ phái Phật giáo của các vị tăng sĩ đã từng tu trì chùa.

Do hình thức quản lý khác nhau như vậy, nên nếu những ngôi chùa chuyên thờ Phật thường tổ chức long trọng các đại lễ của Phật giáo như Lễ vía Quan Âm vào ngày 19/2, Lễ Phật Đản vào ngày 15/4, Lễ Vu Lan vào ngày 15/7..., thì thời gian tổ chức lễ hội của các ngôi chùa thờ Tứ Thánh Tổ lại diễn ra vào những dịp kỷ niệm ngày sinh, ngày hóa của các vị (Chùa Thầy, Chùa Láng, chùa Đồng Bụt ở thành phố Hà Nội mở hội từ mùng 5 đến mùng 7/3 - ngày hóa của Từ Đạo Hạnh; Chùa Keo ở hai tỉnh Thái Bình và Nam Định mở hội từ ngày 14 đến ngày 16/9 - ngày sinh của Dương Không Lộ, v.v...).

Khác với những ngôi chùa chuyên thờ Phật, ban tổ chức lễ hội tại các chùa thờ Tứ Thánh Tổ do dân làng bầu chọn ra, đội tế phải là các cụ ông. Ví dụ, trong Lễ hội Chùa Trông (xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, thờ Nguyễn Minh Không), là lễ hội chung của hai làng Hào Khê và Hán Lý, đội tế là các cụ ông, gồm 3 mạnh bái, 16 bồi tế. Quy trình tế gồm 5 tuần, tuần 1: dâng hương hoa; tuần 2: dâng đăng trà; tuần 3: dâng quả thực; tuần 4: đọc chúc văn; tuần 5: lễ tât. Đoàn rước gồm: kiệu Bát hương, kiệu Đức Thánh, hai kiệu Thành hoàng, kiệu Thánh Mẫu do nữ thanh đồng khiêng. Đoàn rước đi qua cổng phía Đông, đi quanh hai làng, về cổng phía Tây. Sau tế có lễ dâng hương do một đội múa gồm 16 người thực hiện trước tượng Đức Thánh theo điệu *Hoa chúc, Giao liên*, mô phỏng múa cung đình.

Lễ hội chùa Đồng Bụt (huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, thờ Từ Đạo Hạnh) theo tục lệ, vào sáng mùng 7/3, các vị cao niên trong làng sắm sửa lễ vật rước ra Chùa Thầy, dâng lên Đức Thánh; ngày 10/3 tổ chức tế văn tại Nhà Thánh trước sân chùa⁽¹⁰⁾. Hay một ví dụ nữa, trong lễ hội Chùa Láng xưa kia, trên đường rước kiệu, cứ khoảng dặm chục mét là có một bàn thờ đầy đủ hương đăng và có một bồ lão túc trực, lễ bái khi kiệu Thánh ngang qua⁽¹¹⁾. Lễ hội Chùa Thầy bắt đầu từ mùng 5/3 và kéo dài

tới hết mừng 9/3. Ngay đầu tháng 3, người dân bốn thôn Thụy Khuê, Đa Phúc, Sài Khê, Khánh Tân đã ráo riết tập luyện lễ - rước; chuẩn bị cờ quạt, kèn trống cho ngày hội chung.

Ở mỗi lễ hội, ban tế lễ là các cụ ông, còn đám rước kiệu cũng là thanh niên trai tráng, đội múa hầu là những thiếu nữ của làng, được dân làng lựa chọn cẩn thận từ trước ngày khai hội. Ở Lễ hội Chùa Trông, sau tế có lễ dâng hương do một đội múa gồm 16 người thực hiện trước tượng Đức Thánh. Ở lễ hội Chùa Láng (thành phố Hà Nội), Đô tùy rước kiệu Thánh gồm 02 đội được lựa chọn kỹ càng: Đô tùy nội gồm 18 trai đinh, phải là những người còn đang chịu tang, như có ý để tang cho thánh phụ, rước kiệu từ Chùa Láng đến cổng Làng Cốt, rồi "độ hà" sang bên kia sông, chuyển kiệu cho Đô tùy ngoại. Đô tùy ngoại gồm 36 người (trong đó có 18 người là dự bị) rước kiệu đi tiếp và rước trở về Chùa Cả. Cũng ở Lễ hội Chùa Láng còn có đội múa hoa đăng gồm 10 cô gái diễn trò vào tối mừng 6/3; 19 người rước cờ; 7 người khiêng chiêng, trống, lọng che; 20 người trong phường Đồng văn; rồi ông Lệnh, quản tượng, mã phu, đội đánh bông... tổng cộng đám rước tới hàng trăm người.

Có thể thấy, công tác tổ chức, sắp đặt trong lễ hội tại các ngôi chùa thờ Tứ Thánh Tổ không phải là công việc riêng của một tổ chức, một nhóm nào mà là việc chung của cả làng, cả tổng, huy động sự tham gia của mọi thành phần dân cư trong làng, từ các cụ già cho đến thanh niên, mỗi người một phần việc với mục đích làm cho lễ hội được diễn ra trọn vẹn, trang nghiêm.

3.2. Các nghi lễ, trò diễn trong lễ hội có liên quan đến tiểu sử, hành trạng của Tứ Thánh Tổ

Xét theo lịch lễ hội, các chùa thờ Tứ Thánh Tổ đều tổ chức đại lễ vào dịp Thánh sinh hoặc Thánh hóa, chẳng hạn các chùa thờ Từ Đạo Hạnh đều tổ chức lễ hội từ mừng 5 đến mừng 7/3, trong đó lễ chính vào mừng 7/3. Ở Lễ hội Chùa Thầy có nghi thức rước bài vị Từ Đạo Hạnh từ chùa ra gò ở thôn Khánh Tân. Tương truyền, đây là nơi quân Minh đã đốt xác Từ Đạo Hạnh. Quãng đường dài khoảng 1km nhưng cuộc rước đi rất chậm chạp tới chập tối, người ta rước bài vị ra tới gò thiêu và bắt đầu thủ tục thay áo cho bài vị, sau đó rước bài vị về tới chùa vào khoảng nửa đêm. Đám rước đã lôi cuốn được sự tham gia của hầu hết dân bốn thôn và du khách gần xa. Khi rước đi, bài vị được khoác áo vàng (màu áo đạo sĩ).

Còn khi rước về, bài vị được khoác áo cà sa nhà Phật. Sở dĩ có hiện tượng “đi Thánh, về Phật” trong cuộc rước này là vì lúc đầu Từ Đạo Hạnh tu tiên - hiển Thánh, về sau lại giác ngộ Phật pháp. Đám rước cũng được quy định thứ tự chặt chẽ: khi rước đi đầu tiên là bài vị và ngựa Xích thố của thôn anh cả Thụy Khuê; sau là bài vị và ngựa Bạch vân của thôn anh hai Đa Phúc, rồi đến bài vị của Từ Đạo Hạnh được đại diện bốn thôn tham gia rước đi - về. Khi về, bài vị và ngựa Bạch vân lại đi trước ngựa Xích thố. Theo truyền thuyết, khi vợ Sùng Hiền Hầu mang thai, ông có hai con ngựa (một trắng - một đỏ) tới báo tin cho Từ Đạo Hạnh biết để Ngài trút xác đầu thai làm Lý Thần Tông sau này. Lúc đến báo, con ngựa đỏ tới trước nhưng khi về, con ngựa trắng lại về trước tranh công. Cuộc rước này nhằm diễn lại sự tích ấy⁽¹²⁾.

Ở Lễ hội Chùa Láng, trong lễ rước Thánh có nghi thức độ hà. Người rước kiệu Thánh phải lội qua sông Tô Lịch đoạn qua Làng Cót, bởi truyền thuyết địa phương cho rằng, đây là chỗ Pháp sư Đại Điền ném xác Thánh phụ Từ Vinh xuống. Bởi thế Đức Thánh không được bước qua mộ cha mà phải lội qua sông (độ hà). Cùng với nó là trò "đấu pháo" giữa làng Láng (nơi thờ Từ Đạo Hạnh) và làng Vòng Tiền (nơi thờ Pháp sư Đại Điền), phần thắng luôn nghiêng về phía làng Láng. Sau đó, ông Lệnh (ông Thống) sẽ choàng chuỗi tràng hạt lên tượng Thánh với hàm ý Thánh tổ Từ Đạo Hạnh đã đắc đạo⁽¹³⁾.

Ở chùa Đại Bi (huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, thờ Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Giác Hải) có truyền thuyết cho rằng, Thiền sư Từ Đạo Hạnh trong thời gian tu hành tại đây đã làm ra sáu đầu rối gỗ, rồi dạy cho nhân dân ba xã Vân Chàng, Giáp Ba và Giáp Tư cách múa hát để làm vui tươi cuộc sống. Sau khi thiền sư về tu ở Chùa Thầy (thành phố Hà Nội), nhân dân ba thôn nhớ công ơn của Ngài đã làm tiếp sáu đầu rối gỗ cùng các bài ca, điệu múa để phục vụ nhu cầu tâm linh tín ngưỡng. Hằng năm, chùa Đại Bi mở hội từ ngày 20 đến ngày 22 tháng Giêng. Trong ba đêm hội ấy, tại khu vực nội tự có trình diễn hát và múa rối đầu gỗ (còn có tên chữ là trò Ôi Lỗi), một hình thức rối cạn hầu Thánh đặc sắc. Đội múa phải có từ 23 đến 25 người, trong đó xã Vân Chàng 15 người, còn lại chia đều cho Giáp Ba và Giáp Tư. Thiền sư Từ Đạo Hạnh còn được tôn vinh là ông Tổ nghề múa rối ở nước ta, nên trước sân Chùa Thầy có Long Trì và Thủy Đình là sân khấu trình diễn múa rối nước mỗi dịp lễ hội.

Cùng với nghi lễ diễn xướng lại tiểu sử, hành trạng của các vị Thánh Tổ, lễ hội Chùa Keo (hai tỉnh Nam Định và Thái Bình) luôn có trò thi bơi trải và được dân làng giải thích là để tưởng nhớ tới cuộc đời chài lưới, đặng đó của Dương Không Lộ.

Ngoài những trò diễn xướng, ở mỗi lễ hội, trong lời khấn của vị chủ tế luôn có phần tuyên đọc tiểu sử, công lao và sự nghiệp của vị Thánh, vừa để tỏ lòng thành kính, vừa để nhắc nhở con cháu ghi nhớ công đức Thánh nhân. Bên cạnh diễn văn tuyên đọc, nhiều nghi thức diễn xướng luôn được chuẩn bị công phu với sự góp sức của cả cộng đồng và được tổ chức trang nghiêm, thành kính nhất. Tuy nhiên, các trò diễn xướng này không chỉ đơn thuần là cuốn truyện lịch sử mà còn ẩn sau đó là những thông điệp về đời sống văn hóa, tâm linh của người dân nơi đây.

3.3. Lễ hội phản ánh quan niệm tín ngưỡng tâm linh của cư dân nông nghiệp vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Dù là lễ hội chùa nhưng tất cả các lễ hội này đều có nghi thức Mộc dục (tắm tượng Thánh), thường được tổ chức vào ngày đầu tiên của kỳ đại hội. Ở Chùa Thầy, Lễ Mộc dục được cử hành vào sáng mùng 5/3. Từ nửa đêm hôm trước, nước được rước về chùa để các bô lão làm lễ tắm cho tượng (ngày nay nghi lễ này do vị trụ trì chùa tiến hành). Người ta dùng miếng vải đỏ nhúng vào nước thơm lau rửa tượng một cách tỉ mỉ và cẩn thận. Sau khi tế lễ xong, chậu nước tắm tượng được mang cho mọi người nhúng tay vào để lấy khước. Miếng vải đỏ cũng được chia nhỏ cho các gia đình (đặc biệt là những gia đình có trẻ nhỏ). Người ta tin rằng, ai rửa tay bằng nước tắm tượng sẽ được may mắn, ai mang theo miếng vải đỏ bên người sẽ có sức khỏe, bình an, tránh được tà ma, hắc khí.

Khác với Chùa Thầy, Chùa Keo (tỉnh Nam Định) chỉ tiến hành Lễ Mộc dục vào những năm hạn hán, mất mùa. Nước tắm tượng Dương Không Lộ được lấy từ giữa dòng Ninh Cơ (một nhánh của Sông Hồng chảy ngang qua chùa). Lễ hội Chùa Láng xưa kia cứ 15 năm mới có một kỳ đại lễ tổ chức Mộc dục.

Tuy nhiên, với cư dân Đồng bằng Bắc Bộ, Lễ Mộc dục không chỉ diễn ra trong các ngôi chùa thờ Thánh, mà còn trong nhiều cơ sở thờ tự khác như đình, đền,... Ngày nay, Lễ Mộc dục còn được tổ chức ở các chùa vào dịp Phật Đản tắm tượng Thích Ca sơ sinh. Tuy nhiên, dù diễn ra theo một chu kỳ nhất định hay không theo quy luật định sẵn nào, có thể thấy, Lễ

Mộc dục đầu đã bị Phật giáo giáo và Đạo giáo hóa, nhưng vẫn hé mở cho chúng ta thấy một nghi thức cầu mưa của cư dân nông nghiệp xa xưa.

Nghi thức cầu mưa thể hiện không chỉ ở Lễ Mộc dục, mà còn ở hình thức múa rối cạn ở chùa Đại Bi (hai Chùa Keo ở tỉnh Thái Bình và tỉnh Nam Định cũng có những đầu rối như vậy). Ở chùa Đại Bi (huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định), đầu rối gỗ được gọi trang trọng là “Thánh tượng” thếp sơn, vẽ mặt sinh động, có cán tay cầm ở phần gáy, trọng lượng khoảng từ 1kg đến 3kg. Sáu đầu rối lớn chia làm ba cặp: đôi Lộng Chúa mặt đỏ, quắc thước, thể hiện vẻ chính nhân quân tử; đôi Lộng Tỳ mặt trắng biểu hiện sự phồn thực no đủ; đôi Cóc Vàng tượng trưng cho nền nông nghiệp lúa nước. Sáu đầu rối nhỏ gồm một chàng trai khôi ngô tuấn tú; một ông Chóp tượng trưng cho mưa nắng thuận hòa, hai nàng tiên, một hoàng hậu và một ông Mách mặt đỏ dữ tợn. Như vậy, từ tên gọi, màu sắc cho đến nghi thức biểu diễn (chỉ diễn trước cung Thánh) cũng cho thấy, đây là nghi lễ cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt của cư dân Nam Trực xưa.

Nghi thức cầu mưa của cư dân nông nghiệp còn được thể hiện qua nhiều trò lễ khác như lễ vật cầu chùa Đại Bi, đặc biệt là màn đấu pháo độc đáo trong Lễ hội Chùa Láng. Màn đấu pháo này diễn ra vào sáng mùng 7/3. Mở đầu là tràng pháo của làng Láng hướng sang chùa Thánh Chúa nơi thờ Pháp sư Đại Điền⁽¹⁴⁾. Dân làng Vòng Tiền (làng có chùa Thánh Chúa) cũng nổ pháo hướng về đoàn rước của làng Láng để bảo vệ Đại Điền. Cuộc đấu pháo kéo dài khoảng nửa giờ và kết thúc trước giờ Ngọ. Vì theo truyền thuyết, Đại Điền chỉ chịu thua Từ Đạo Hạnh trong thời gian dương thịnh (từ sáng đến giờ Ngọ)⁽¹⁵⁾. Màn đấu pháo này dù được giải thích như diễn tả lại trận chiến giữa Từ Đạo Hạnh và Đại Điền, thì tiếng pháo rền vang vẫn khiến chúng ta liên tưởng tới tiếng sấm gọi mưa về (cũng như hội pháo làng Đồng Kỵ hay hội pháo Bình Đà xưa kia).

Như vậy, các nghi lễ trong lễ hội chùa thờ Tứ Thánh Tổ được sản sinh từ tâm thức của những cư dân nông nghiệp lúa nước và trong điều kiện sản xuất xa xưa vốn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, thì việc mong cầu mưa thuận gió hòa là điều tối quan trọng đảm bảo cho mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no. Người ta dùng các biểu tượng từ hình ảnh cho tới âm thanh và thông qua các nghi lễ trang trọng, thành kính để diễn tả khát vọng của mình và mong ước những tâm nguyện đó sẽ được thần linh thấu tỏ và độ trì.

3.4. Lễ hội bảo lưu nhiều nghi lễ, trò chơi dân gian đặc sắc phản ánh đời sống lao động của cư dân nông nghiệp vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Trong bất kỳ lễ hội nào, bên cạnh phần Lễ vốn rất trang nghiêm, thành kính, thì phần Hội lại diễn ra rất vui nhộn, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham dự, tạo nên sức sống và sự hấp dẫn cho mỗi lễ hội. Như bất kỳ một lễ hội làng quê nào, ở các lễ hội chùa thờ Tứ Thánh Tổ, các trò diễn dân gian thường diễn ra trong nhiều ngày, nhiều khung thời gian khác nhau. Những trò diễn này cũng mang tính vùng miền, phần nào phản ánh được các hoạt động trong đời sống sinh hoạt của cư dân địa phương.

Lễ hội Chùa Thầy có tiết mục múa rối nước đặc sắc. Sân khấu biểu diễn là mặt nước hồ trước tòa Thủy đình. Các trò diễn rối nước khá phong phú có thể là tiết mục mô tả hoạt động sản xuất: làm ruộng, chăn vịt, đánh cá, dệt vải... Các trò lễ này được biểu diễn đan xen với các trò mang nội dung kể chuyện lịch sử: Lê Lợi chém tướng giặc, Hai Bà Trưng ra trận,... Không khí rộn ràng, huyền ảo của sân khấu rối nước đã mang đến cho những người chơi hội những giây phút ngạc nhiên, thích thú tự hào về khả năng kỳ ảo của những nghệ nhân của môn nghệ thuật đặc sắc này.

Ngoài múa rối, nhiều lễ hội còn có các trò diễn khác như hát chèo, kể chuyện thu hút nhiều người tham dự, đặc biệt là tầng lớp người cao tuổi. Ngoài những tiết mục mang tính biểu diễn, trong nhiều lễ hội còn có những tiết mục mang tính thi đấu (đấu sức và đấu trí).

Trong Lễ hội Chùa Keo có trò thi bơi chải trên đoạn sông trước chùa. Mỗi dong có một thuyền chải, với khoảng 10 tay chèo, đều đứng trên chải khi điều khiển cuộc đua. Đoạn đường đua dài từ 35 đến 45km nên người chèo phải có sức khỏe dẻo dai. Cuộc đua này dù được giải thích nhằm diễn tả cuộc đời chài lưới của Đức Thánh Dương Không Lộ, nhưng nó cũng cho thấy nét sinh hoạt hằng ngày của ngư dân xưa kia. Hơn nữa, nó cũng diễn tả sức mạnh, khả năng chinh phục thiên nhiên của người dân nơi đây. Trong Lễ hội Chùa Keo còn có các trò thi thổi cơm, bắt vịt, leo cầu ngô, tổ tôm điểm... Những cuộc thi này đều thể hiện sự tài khéo, đam mê của người dân, thu hút đông đảo người tham dự, cổ vũ.

Lễ hội chùa Đại Bi có trò đấu cờ người luôn diễn ra sôi nổi, hào hứng. Xưa kia, cuộc thi chỉ diễn ra giữa các bộ lão. Từ trong năm, mỗi làng phải đấu loại để chọn ra kỳ thủ giỏi nhất đại diện cho làng tham gia thi tài trong ngày hội. 32 người đại diện cho 32 quân cờ cũng được chọn cẩn

thận; đặc biệt, Tướng Ông và Tướng Bà phải là những nam thanh nữ tú chưa lập gia đình. Nhà ai có con cháu được chọn vào vai này thì cảm thấy rất tự hào. Cuộc thi diễn ra trước sân chùa trong tiếng trống giục, tiếng cổ vũ reo hò của dân làng. Tuy là trò chơi nhưng nó thể hiện trí tuệ, tài điều binh, khiến tướng của người dân xưa kia.

Có thể thấy, những trò diễn dân gian, những cuộc thi tài trong lễ hội tại các ngôi chùa thờ Tứ Thánh Tổ khá phong phú. Có những cuộc thi là sự tham dự, đua tài cá nhân, nhưng cũng có những cuộc thi tập thể, đòi hỏi tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết của người tham gia. Những trò vui đó chúng ta cũng có thể bắt gặp ở nhiều lễ hội truyền thống khắp vùng Đồng bằng Bắc Bộ và khi được đưa vào hội chùa đã tạo nên nét văn hóa độc đáo riêng.

4. Lối kết

Có thể thấy, các ngôi chùa thờ Tứ Thánh Tổ và lễ hội của nó là hiện tượng văn hóa đặc biệt của Phật giáo Việt Nam. Ở đây, các vị Thánh thực chất là những vị Tổ sư, nhưng lại không phải được thờ như những vị sư Tổ thông thường ở nhiều ngôi chùa, mà họ được nhân dân tôn thành Thánh, có cung thờ và khám thờ riêng. Sau đời của vị Thánh Tổ đó, hầu hết các chùa không có sư trụ trì, mà trông coi hương đăng là những ông Lệnh, ông Thống do dân làng cất cử ra. Bởi vậy, những ngôi chùa này không có nhà Tổ, không có vườn tháp như thường thấy. Ở những ngôi chùa đó, chúng ta thấy yếu tố đền thờ thần khá nổi trội. Nói cách khác, đó là sự kết hợp độc đáo giữa chùa Phật và đền thờ thần cả về lối thờ tự lẫn hình thức sử dụng.

Nhưng đặc sắc hơn cả của sự dung hội này là những lễ hội chùa. Là nơi thờ tự và sinh hoạt của tôn giáo ngoại sinh, nhưng lễ hội chùa Tứ Thánh Tổ không thuần túy là lễ hội Phật giáo. Thời gian tổ chức lễ hội dù được giải thích nhằm ngày sinh, ngày hóa của các vị Thánh, chúng ta vẫn thấy nó ứng với hai tiết Xuân - Thu như nhiều lễ hội truyền thống khác. Đây là thời đoạn nông nhàn cần được nghỉ ngơi của những cư dân nông nghiệp quanh năm gắn bó với ruộng đồng. Ban tổ chức lễ hội, các nghi lễ, trò diễn đều là sản phẩm của làng xã, của những người nông dân. Hơn thế nữa, các ngôi chùa thờ Tứ Thánh Tổ đều là những đại danh lam, nên lễ hội chùa thường có quy mô khá lớn, có sức lan tỏa khá rộng, thu hút nhiều du khách gần xa tới tham dự. Hội chùa cũng chính là hội làng. Tới

hội, du khách được xem các cuộc rước tế trang nghiêm và tung bừng, các trò vui dân gian đặc sắc. Nhìn vào lễ hội, chúng ta có thể thấy yếu tố tâm linh, được coi như sợi dây xuyên suốt, chi phối và điều khiển các hành vi của con người. Mọi thứ trong ngày hội đều phải đặc biệt và tinh khiết hơn; giao tiếp của con người cũng thân ái, cởi mở hơn. Hội làng đã thực sự trở thành chất kết dính gắn bó tinh thần đoàn kết cộng đồng của cư dân nông nghiệp. Những lễ hội đó thực sự là môi trường bảo tồn, gìn giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc, cần phải được kế thừa và phát huy một cách có hiệu quả./.

CHÚ THÍCH

1. Ngô Sĩ Liên (1983), *Đại Việt sử ký toàn thư, tập I*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 301.
2. Hạnh nguyện, gồm “Sở hành” và “Chí nguyện”, là tu hành theo giới hạnh một cách tự giác, để đạt tới đức cao cả, vị tha. Ai giữ được Hạnh nguyện bền vững thì mau thành chính giác.
3. Dẫn theo *Thiền Phúc Tự hồng chung minh văn*.
4. Hiện không có đủ cứ liệu đáng tin cậy về năm sinh của Thiền sư Dương Không Lộ.
5. Tác giả *Địa chí Nam Định* cho rằng, Dương Không Lộ kết bạn với Nguyễn Giác Hải. Hai người cùng nhau đến thụ giới với Thiền sư Hà Trạch ở am Mộc Ngưu, làng Đồ Bồ. Đồ Bồ có thể là làng Độc Bộ, vùng cửa sông Đáy thời Lý. Xem *Địa chí Nam Định*, Sở Văn hóa Thông tin Nam Định xuất bản, 2005: 215.
6. *Samôn (Sraman)* là người dứt bỏ nghiệp ác, siêng năng làm việc thiện. Nguyên nghĩa, thuật ngữ này dùng để chỉ người xuất gia tu hành, không phân biệt môn đồ Phật giáo hay ngoại đạo.
7. Vũ Quỳnh - Kiều Phú (Đinh Gia Khánh chủ biên, Nguyễn Ngọc San biên khảo và giới thiệu, 2001), *Lĩnh nam chích quái*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 107 - 108. Theo *Thiền uyển tập anh*, Nguyễn Minh Không theo học Từ Đạo Hạnh trong 17 năm.
8. Lý Tế Xuyên (Đinh Gia Khánh - Trịnh Đình Dư dịch và chú thích, Đinh Gia Khánh giới thiệu, 2001): *Việt điện u linh*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 162 - 164.
9. Vũ Quỳnh - Kiều Phú (Đinh Gia Khánh chủ biên, Nguyễn Ngọc San biên khảo và giới thiệu, 2001), *Lĩnh nam chích quái*, sách đã dẫn: 107.
10. Xem thêm Nguyễn Đình Trà, “Chùa Đồng Bụt và Đức Thánh Từ Đạo Hạnh”, tham luận tại Hội thảo khoa học *Chùa Thầy và Chư Thánh Tổ Sư*, do Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội và Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tại Chùa Thầy, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội, tháng 3/2012: 277 - 284.
11. Thích Viên Thành (2012), “Chùa Láng và lễ hội vùng truyền thống”, trong *Chùa Thầy*, Nxb. Hải Phòng: 37.
12. Tạ Quốc Khánh, “Chùa Thầy và Thiền sư Từ Đạo Hạnh”, tham luận tại Hội thảo khoa học *Chùa Thầy và Chư Thánh Tổ Sư*, do Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội và

- Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tại Chùa Thầy, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội, tháng 3/2012: 153.
13. Thích Viên Thành (2012), “Chùa Láng và lễ hội vùng truyền thống”, trong *Chùa Thầy*, sách đã dẫn: 37 - 38.
 14. Chùa Thánh Chúa hiện nay nằm phía sau Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 15. Thích Viên Thành (2012), “Chùa Láng và lễ hội vùng truyền thống”, trong *Chùa Thầy*, sách đã dẫn: 37 - 38.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Địa chí Nam Định*, Sở Văn hóa Thông tin Nam Định xuất bản, 2005.
2. Tạ Quốc Khánh, “Chùa Thầy và thiền sư Từ Đạo Hạnh”, tham luận tại Hội thảo khoa học *Chùa Thầy và Chư Thánh Tổ Sư*, do Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội và Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tại Chùa Thầy, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội, tháng 3/2012.
3. Ngô Sĩ Liên (1983), *Đại Việt sử ký toàn thư, tập I*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Vũ Quỳnh - Kiều Phú (Đinh Gia Khánh chủ biên, Nguyễn Ngọc San biên khảo và giới thiệu, 2001), *Lĩnh nam chí chích quái*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
5. Thích Viên Thành (2012), “Chùa Láng và lễ hội vùng truyền thống”, trong *Chùa Thầy*, Nxb. Hải Phòng.
6. Nguyễn Đình Trà, “Chùa Đồng Bụt và Đức thánh Từ Đạo Hạnh”, tham luận tại Hội thảo khoa học *Chùa Thầy và Chư Thánh Tổ Sư*, do Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội và Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tại Chùa Thầy, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội, tháng 3/2012.
7. Lý Tế Xuyên (Đinh Gia Khánh - Trịnh Đình Dư dịch và chú thích, Đinh Gia Khánh giới thiệu, 2001): *Việt điện u linh*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

SOME FESTIVAL FEATURES OF TỨ THÁNH TỔ WORSHIP IN PAGODAS IN THE NORTHERN DELTA

The report is based on figures from biography and religious life of Tứ Thánh Tổ, including Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải, Nguyễn Minh Không. The report also focuses on analyzing festival features of Tứ Thánh Tổ worship in pagodas in the Vietnam Northern Delta, especially the religious harmony between Buddhism and the Vietnamese tradition in spiritual culture.

Key words: *Festival Features, Pagodas, Tứ Thánh Tổ, Northern Delta, Religious Harmony, Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không, Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải.*